

Bản án số: 21/2023/DS-ST
Ngày: 06-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Trung
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Dài.

Ông Ngô Văn Khon.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Văn Phụng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Mạch Văn N, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của ông Mạch Văn N: Bà Mạch Thị Xuân T, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Ấp L, thị trấn C, huyện C, tỉnh A, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 22/11/2022).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc N, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

- *Người làm chứng:*

Lê Minh H, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Bà Mạch Thị Xuân T có mặt, anh Nguyễn Quốc N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Ông Lê Minh H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa,*

nguyên đơn bà Mạch Thị Xuân Trang trình bày:

Ông Mạch Văn N và anh Nguyễn Quốc N có mối quan hệ quen biết và là người cùng địa phương. Ngày 11/12/2021, anh Nguyễn N có vay của ông Mạch Văn N số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất: không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay: không kỳ hạn. Anh Nguyễn N có viết biên nhận và ký tên.

Sau đó, ông Mạch Văn N có liên hệ anh N yêu cầu trả số tiền đã vay nhưng anh N hứa hẹn nhiều lần, nhưng vẫn không thực hiện.

Tính đến ngày 06/02/2023 anh N còn nợ lại ông N số tiền cụ thể như sau:

Nợ gốc 150.000.000 đồng.

Tiền lãi từ ngày 11/12/2021 đến ngày 06/02/2023 là 13 tháng 26 ngày: $150.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng } 26 \text{ ngày} = 34.528.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng gốc và lãi là 184.528.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Ông Mạch Văn N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc anh Nguyễn N có trách nhiệm trả cho ông Mạch Văn N số tiền gốc, lãi tính đến ngày 06/02/2023 tổng cộng là 184.528.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

- Bị đơn anh Nguyễn N không có Văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

- Người làm chứng ông Lê Minh H có bản tự khai trình bày: Vào ngày 11/12/2021 tại nhà của ông Mạch Văn N, ông có chứng kiến việc anh Nguyễn N viết tờ biên nhận có nợ ông N số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính); Căn cước công dân của ông Mạch Văn N (Bản sao); Sổ hộ khẩu (Bản sao); Đơn xin miễn giảm án phí, tạm ứng án phí ngày 21/10/2022 (Bản chính); Biên nhận ngày 11/12/2021 (Bản sao); Bản khai ngày 09/01/2023 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Mạch Văn N và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn N cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp

theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với ông Lê Minh H là người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa có lý do và có bản tự khai thể hiện trong hồ sơ vụ án do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với người làm chứng theo quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của biên nhận ngày 11/12/2021 dương lịch.

Xét thấy, sau khi thống nhất thỏa thuận giữa ông Mạch Văn N tiến hành xác lập hợp đồng vay tài sản không có ghi lãi suất, không kỳ hạn trả nợ. Việc xác lập hợp đồng vay tài sản có sự chứng kiến của những người làm chứng là ông Lê Minh H. Điều này chứng minh vào ngày 11/12/2021 dương lịch giữa các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản.

Như vậy, tại thời điểm xác lập hợp đồng vay tài sản ông N và anh N có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định của pháp luật. Do đó, khi xác lập hợp đồng thì ông N và anh N đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay tài sản giữa ông N và anh N có hiệu lực pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 117, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của ông Mạch Văn N trả số tiền vốn gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 11/12/2021 đến khi giải quyết xong vụ án (ngày 06/02/2023).

Cụ thể: Tiền lãi từ ngày 11/12/2021 đến ngày 06/02/2023 là 13 tháng 26 ngày: $150.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 13 \text{ tháng} 26 \text{ ngày} = 34.528.000 \text{ đồng}$ (Ba mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng) là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích đã nêu trên, ông Mạch Văn N yêu cầu anh Nguyễn N trả cho ông Mạch Văn N số tiền gốc và lãi là 184.528.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mạch Văn N nên anh Nguyễn N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn lãi, lãi suất, phạt vi phạm trong hợp đồng vay tài sản;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mạch Văn N.

Buộc anh Nguyễn N trả cho ông Mạch Văn N số tiền vay gốc và lãi là 184.528.000 đồng (Một trăm tám mươi bốn triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Buộc anh Nguyễn N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.226.000 đồng (Chín triệu, hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Do ông Mạch Văn N là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, nên ông Mạch Văn N được miễn nộp tiền tạm ứng án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THADS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Trung

